

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 250/2019/HNGĐ-ST
Ngày 22-11-2019
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Lương

Ông Hoàng Đức Cảnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Hữu Hào - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, thành phố H.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T, thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Trang Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 747/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 252/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 220/2019/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Y, sinh năm 1989; đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn B, xã L, huyện T, thành phố H; nơi ở hiện nay: Thôn N, xã L, huyện T, thành phố H; vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1983; đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn B, xã L, huyện T, thành phố H; nơi ở hiện nay: Thôn N, xã L, huyện T, thành phố H; vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 09/9/2019 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là chị Đỗ Thị Y trình bày:

1. Về hôn nhân:

Chị Y và anh Nguyễn Văn T kết hôn với nhau vào năm 2007 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn ngày 07/02/2007 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, thành phố H. Sau khi kết hôn, vợ chồng đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn B, xã L, nhưng sinh sống tại thôn N, xã L. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận và có 02 con chung, đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống chung, không tin tưởng nhau về kinh tế dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình tham gia hòa giải nhưng không có kết quả. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 08 năm 2019 cho đến nay và không còn quan tâm nhau. Nay chị xác định không còn tình cảm, không còn khả năng đoàn tụ nên chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh T.

Bản tự khai ngày 15 tháng 11 năm 2019 tại Tòa án, bị đơn là anh Nguyễn Văn T trình bày: Anh công nhận lời trình bày của chị Y về quan hệ hôn nhân như trên là đúng. Quá trình chung sống vợ chồng nhiều lúc xảy ra va chạm cãi mắng chửi nhau. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm và không tin tưởng nhau. Do mâu thuẫn nên vợ chồng đã sống ly thân khoảng 03 tháng nay và không còn quan tâm nhau. Nay chị Y yêu cầu ly hôn, anh cũng xác định không còn tình cảm với chị Y nên anh đồng ý ly hôn.

2. Về con chung:

Chị Y trình bày chị và anh T có 02 con chung tên là Nguyễn Thanh T sinh ngày 24/9/2007 và Nguyễn Thị T sinh ngày 14/10/2009. Khi ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi con nhỏ và đồng ý giao con lớn cho anh T trực tiếp nuôi. Cấp dưỡng nuôi con chung để chị và anh T tự thỏa thuận giao nhận với nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh T công nhận anh và chị Y có 02 con chung như chị Y trình bày là đúng. Khi ly hôn, anh đề nghị được trực tiếp nuôi con lớn, đồng ý giao cho chị Y trực tiếp nuôi con nhỏ, cấp dưỡng nuôi con chung để tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung:

Chị Y và anh T thống nhất trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng pháp luật tố tụng, đương sự chấp hành pháp luật. Về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Đỗ Thị Y và anh Nguyễn Văn T; về con chung: Giao cho chị Đỗ Thị Y trực tiếp nuôi con chung tên là Nguyễn Thị T sinh ngày 14/10/2009 và giao cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi con chung tên là Nguyễn Thanh T sinh ngày 24/9/2007 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, trừ trường hợp có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; về cấp dưỡng nuôi con chung và về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết; nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, thành phố H theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn là chị Đỗ Thị Y và bị đơn là anh Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2]. Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Đỗ Thị Y và anh Nguyễn Văn T đã được xác lập là hợp pháp (Giấy chứng nhận kết hôn số 08 đăng ký ngày 07/02/2007 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, thành phố H). Căn cứ vào lời khai của đương sự và tài liệu điều tra xác minh tại địa phương thể hiện quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn từ năm 2015. Anh Nguyễn Văn T vẫn sinh sống, làm việc tại địa phương xã L, anh T thống nhất quá trình chung sống, mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, ly thân và xác định tình cảm không còn nên đồng ý ly hôn. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng có tồn tại làm cho hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, khả năng đoàn tụ không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị Y yêu cầu ly

hôn, căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình xử cho ly hôn giữa chị Y và anh T.

[3]. Về con chung: Chị Y và anh T có 02 con chung tên là Nguyễn Thanh T sinh ngày 24/9/2007 và Nguyễn Thị T sinh ngày 14/10/2009. Việc giao con chung cho ai nuôi cần phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con và xem xét nguyện vọng của con chưa thành niên. Xét thấy, chị Y và anh T thống nhất để chị Y trực tiếp nuôi con tên Nguyễn Thị T và để anh T trực tiếp nuôi con tên Nguyễn Thanh T khi ly hôn, nguyện vọng của con Nguyễn Thanh T muốn được ở với anh T và con Nguyễn Thị T muốn được ở với chị Y. Do vậy, cần giao con chung tên Nguyễn Thị T cho chị Y trực tiếp nuôi và giao con chung tên Nguyễn Thanh T cho anh T trực tiếp nuôi là phù hợp với các điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Y và anh T đề nghị để tự thỏa thuận giao nhận với nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. Về tài sản chung: Chị Y và anh T trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[6]. Về án phí: Chị Y phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Đỗ Thị Y và anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao cho chị Đỗ Thị Y trực tiếp nuôi con chung tên là Nguyễn Thị T sinh ngày 14/10/2009 và giao cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Thanh T sinh ngày 24/9/2007 cho đến khi con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, trừ trường hợp có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Đỗ Thị Y và anh Nguyễn Văn T đề nghị để tự thỏa thuận giao nhận với nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về tài sản chung: Chị Đỗ Thị Y và anh Nguyễn Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Đỗ Thị Y phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003019 ngày 18/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, thành phố H. Chị Đỗ Thị Y đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

7. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND thành phố H;
- VKSND thành phố H;
- VKSND huyện T, thành phố H;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã L, huyện T, thành phố H;
- (Giấy CNKH số 08 ĐK ngày 07/02/2007);
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Vân